TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **156**/2019/DS-PT
Ngày: 11/9/2019
V/v tranh chấp:"Đòi lại quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNTHÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Ông Nguyễn Văn Hải.

2/- Bà Võ Bích Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ***: Ông Võ Quốc Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về *"Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Thới Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2019/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Bùi Tiến D**. sinh năm: 1957. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông **Tạ Văn P**. sinh năm: 1962. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Lý Thị N**. sinh năm: 1959.
- Ông **Nguyễn Văn D.U**. sinh năm: 1961.
- Bà **Tạ Thị S**. sinh năm: 1957.
- Bà **Bùi Thị Thúy H**. sinh năm: 1966.
- Bà **Lê Thị L**. sinh năm: 1960.
- Ông **Trần Thanh Ph**.
- Ông **Trần Minh Th**. sinh năm: 1985.
- Bà **Trần Thị Kiều H.O**. sinh năm: 1986.
- Bà **Trần Thị Mỹ T**. sinh năm: 1990.

Tất cả đều cư ngụ: ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U: Luật sư **Đỗ Vinh Q** - Văn phòng Luật sư Quang V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Tạ Văn P và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn D.U, Lý Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Nguyên đơn ông Bùi Tiến D trình bày:*

Năm 1993 do hoàn cảnh khó khăn nên ông có cố cho ông Tạ Văn P (là em vợ của ông) phần đất diện tích 3.075m^2, thuộc thửa 398, tờ bản đồ số 04, đất tọa lạc hiện nay tại ấp P, xã T, huyện T, TP. Cần Thơ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00056 ngày 10/12/1991 với giá 06 chỉ vàng 24k. Do là anh em nên tin tưởng, hai bên không làm giấy tờ chỉ giao kèo bằng miệng. Đến đầu năm 2013, ông có ý định chuộc lại đất thì biết được ông P không còn sử dụng phần đất này. Ông P đã bán hoặc cầm cố đất cho người khác ông không rõ, nhưng hiện tại ông Nguyễn Văn D.U đang canh tác đất này. Do đó ông khởi kiện yêu cầu ông P trả lại cho ông diện tích đất nói trên và ông sẽ trả lại 06 chỉ vàng 24k cho ông P.

* *Bị đơn ông Tạ Văn P trình bày:*

Năm 1993, chị ruột ông là bà Tạ Thị S có đến nhà ông đề nghị chuyển nhượng phần đất diện tích 3.075m^2 nói trên với giá 06 chỉ vàng 24k. Ông đã trả đủ vàng và nhận đất canh tác. Vì chỗ chị em ruột nên khi chuyển nhượng đất không làm giấy tờ, ông chỉ giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D.U. Khoảng năm 1996, ông đã chuyển nhượng lại phần đất này cho em ruột ông Bùi Tiến D là bà Bùi Thị Thúy H với giá 23,5 chỉ vàng 24k và ông đã giao lại Giấy CNQSDĐ của ông Tiến D cho bà H. Từ khi ông chuyển nhượng cho bà H thì ông cũng không rõ phần đất này đã chuyển nhượng cho những ai. Ông chỉ biết hiện nay ông Nguyễn Văn D.U là người đang trực tiếp canh tác phần đất này. Nay với yêu cầu của nguyên đơn, ông không đồng ý vì thực tế bà Tạ Thị S đã chuyển nhượng cho ông và sau này ông đã chuyển nhượng cho người khác. Hiện nay ông không còn canh tác phần đất đó nữa.

**Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N có yêu cầu độc lập trình bày: Năm 2006 ông bà đã nhận chuyển nhượng của bà Lê Thị L cùng các con diện tích đất này (theo giấy CNQSDĐ đứng tên ông Bùi Tiến D) với giá 40 chỉ vàng 24k, có làm giấy tay "Tờ giao kèo sang đất ngày 01/3/2006" và gia đình đã canh tác ổn định từ đó đến nay không ai tranh chấp. Nay ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Tiến D phải tách Giấy CNQSDĐ cho ông bà đứng tên diện tích 3.075m^2 đất nói trên.

+ Bà Tạ Thị S trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của chồng là ông Bùi Tiến D. Thực tế vợ chồng bà chỉ cố phần đất này cho ông P, chứ không chuyển nhượng. Nay bà yêu cầu ông P phải trả lại diện tích đất nói trên.

+ Bà Bùi Thị Thúy H trình bày: bà không có nhận chuyển nhượng đất từ ông P như ông P trình bày. Vào năm 1995, bà có nhận chuyển nhượng đất của bà Lê Thị L, nhưng phần đất của bà L không liên quan đến đất đang tranh chấp giữa ông D.U và ông P. Đồng thời bà yêu cầu được vắng mặt.

+ Bà Lê Thị L trình bày: Khoảng năm 1993 - 1994, ông P có chuyển nhượng cho bà 02 công đất với giá 23,5 chỉ vàng 24k. Lúc chuyển nhượng, bà và ông P chỉ thỏa thuận miệng chứ không làm giấy tờ hay hợp đồng gì. Bà đã trả đủ vàng và ông P giao cho bà Giấy CNQSDĐ đứng tên ông Bùi Tiến D. Sau khi chuyển nhượng xong, các bên cũng không đi sang tên tách quyền sử dụng đất theo quy định. Khi mua bà cũng biết đất do ông Bùi Tiến D đứng tên và ông P đang trực tiếp sử dụng nhưng không có tranh chấp nên bà mới mua. Sau đó bà đã chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N, nên không còn liên quan cũng không có yêu cầu gì. Đề nghị xin vắng mặt trong thời gian giải quyết vụ án.

+ Chị Trần Thị Kiều H.O, anh Trần Minh Th trình bày: anh chị và các anh chị em trong gia đình có cùng với mẹ là bà Lê Thị L có ký tên vào tờ giao kèo sang đất ngày 01/3/2006 để chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N. Còn về nguồn gốc đất thì các anh chị không rõ do lúc đó còn nhỏ. Nay các anh chị không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc tranh chấp đất này, do việc chuyển nhượng đất giữa gia đình với ông D.U và bà N đã xong. Đồng thời cùng xin Tòa án giải quyết văng mặt.

+ Đối với Trần Thanh Ph và Trần Thị Mỹ T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Thới Lai đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 174/2018/DS-ST ngày 19/9/2018 đã tuyên:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tiến D.

2/- Buộc ông Tạ Văn P và ông Nguyễn Văn D.U phải giao trả phần đất có diện tích 3.056,9m^2 thuộc thửa 398, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ cho ông Bùi Tiến D theo hồ sơ trích đo địa chính ngày 04/9/2015 (BL 135).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện T thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00056 cấp ngày 10/12/1991 đứng tên Bùi Tiến D hiện do ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N đang giữ để điều chỉnh cấp lại cho ông Bùi Tiến D cho đúng diện tích 3.056,9m^2 như đã nêu trên.

3/- Buộc ông Bùi Tiến D trả cho ông Tạ Văn P 06 (sáu) chỉ vàng 24k loại 98%.

4/- Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N về yêu cầu ông Bùi Tiến D tách quyền sử dụng đất tại thửa 398, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ .

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 15/10/2018 bị đơn ông Tạ Văn P kháng cáo, yêu cầu phúc thẩm bác khởi kiện đòi đất của nguyên đơn và phải triệu tập tất cả những người có liên quan trong vụ án để làm rõ trách nhiệm trong các giao dịch; Người liên quan Nguyễn Văn D.U và Lý Thị N kháng cáo yêu cầu phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập công nhận việc chuyển nhượng để ổn định quyền sử dụng đất cho ông bà, nếu không được công nhận quyền sử dụng đất thì yêu cầu bà Lê Thị L phải giao diện tích đất khác hoặc trả giá trị đất tương đương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là bị đơn ông Tạ Văn P vắng mặt không lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai; Người liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lý Thị N vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày; những người liên quan không có kháng cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và số còn lại vắng mặt không lý do.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông Tạ Văn P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D.U, bà Lý Thị N phát biểu: Do bị đơn vắng mặt không tham dự phiên tòa phúc thẩm, nên phần kháng cáo của bị đơn Luật sư không phát biểu; chỉ trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N như sau: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất 02 công (khoảng 2.600m^2) nhưng cấp sơ thẩm giải quyết buộc trả 3.056,9m^2 là vượt quá yêu cầu khởi kiện; cấp sơ thẩm chưa làm rõ giao dịch trong vụ việc này là cầm cố hay chuyển nhượng đất và thời hiệu khởi kiện; buộc ông D.U, bà N liên đới trả lại đất cho nguyên đơn nhưng chưa xem xét giải quyết thỏa đáng về quyền lợi trong khi họ là người mua và sử dụng đất ngay tình; chưa triệu tập, điều tra làm rõ đầy đủ trách nhiệm của những người liên quan trong vụ án có quan hệ giao dịch này; kể cả việc nếu buộc bà N trả lại đất cho nguyên đơn thì phải giải quyết đường thoát nước cho vợ chồng bà canh tác, cấp sơ thẩm chưa giải quyết vấn đề này. Từ đó đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng, đương sự và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; Về nội dung giải quyết vụ án: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, coi như đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đối với kháng cáo của người liên quan có yêu cầu độc lập bà Lý Thị N: từ việc bị đơn nhận chuyển nhượng đất không hợp pháp, kéo theo việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng sau này của các đương sự và người cuối cùng là vợ chồng bà N, ông D.U cũng không hợp pháp nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu ổn định quyền sử dụng đất cho bà, cũng như không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà. Còn vấn đề bà yêu cầu mở đường thoát nước, cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét. Bà có quyền khởi kiện thành vụ án khác. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của bà N, ông D.U và giữ y bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2014 (BL 13,14) và các bản khai cũng như các biên bản hòa giải đều thể hiện nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tạ Văn P và người có liên quan ông Nguyễn Văn D.U, bà Lý Thị N phải trả lại cho ông diện tích đất 3.075m^2 đã cố cho bị đơn; bị đơn cho rằng nguyên đơn đã chuyển nhượng cho bị đơn chứ không phải cố, nên không đồng ý trả lại đất; người liên quan có yêu cầu độc lập bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U cho rằng đã nhận chuyển nhượng đất này từ bà Lê Thị L nên yêu cầu được công nhận và buộc nguyên đơn làm thủ tục sang tên cho vợ chồng bà. Cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định quan hệ pháp luật "*Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*" là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3, 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình tố tụng ở cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định việc cấp, tống đạt quyết định xét xử và các biên bản hoãn phiên tòa vào các ngày 31/7; 31/8 và 19/9/2018 cho bị đơn và người liên quan có yêu cầu độc lập bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U, những người liên quan khác như Trần Thanh Ph, Trần Thị Mỹ T. Tuy nhiên, các đương sự vẫn vắng mặt không lý do. Các đương sự còn lại xin vắng mặt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Tạ Văn P vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ, xem như đã từ bỏ yêu cầu kháng cáo. Vì vậy đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bị đơn như Kiểm sát viên phúc thẩm đề nghị là có căn cứ. Đối với những người có liên quan nhưng không có kháng cáo đều vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án vẫn được tiến hành xét xử phúc thẩm.

* Về nội dung:

[2] Bị đơn từ bỏ yêu cầu kháng cáo nên không xem xét, tuy nhiên đối với yêu cầu kháng cáo của người liên quan có yêu cầu độc lập là bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U có liên quan đến việc bị đơn nhận chuyển nhượng đất. Do đó cần phân tích vấn đề này để xem xét đến yêu cầu phản tố, cũng như kháng cáo của bà N, ông D.U. Cụ thể:

Bị đơn khai nhận chuyển nhượng đất từ vợ chồng nguyên đơn vào năm 1993, nhưng không làm giấy tờ kể cả giấy tay vì là chỗ chị em ruột nên tin tưởng nhau. Sau đó đã chuyển nhượng lại cho bà Bùi Thị Thúy H là em ruột của ông Bùi Tiến D. Việc bị đơn nhận chuyển nhượng đất có một số nhân chứng biết. Tuy nhiên, nguyên đơn không thừa nhận có chuyển nhượng cho bị đơn; bà H cũng không thừa nhận có nhận chuyển nhượng lại như bị đơn khai; còn các nhân chứng đều xác định chỉ nghe bị đơn nói lại là đã mua phần đất này từ nguyên đơn chứ không chứng kiến việc mua bán, không biết rõ sự việc. Như vậy bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh giữa hai bên có giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vì thế căn cứ các Điều 131, 705,

707 Bộ luật dân sự 1995; khoản 2 Điều 3, Điều 30, 31 Luật đất đai 1993, khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai 2003 cấp sơ thẩm không công nhận có việc chuyển nhượng đất giữa nguyên đơn và bị đơn; chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn là cố đất cho bị đơn là có căn cứ. Đồng thời buộc bị đơn trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 3.056,9m^2 cho nguyên đơn, nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn 06 chỉ vàng 24k là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U thấy rằng:

[3.1] Về tố tụng: Cấp sơ thẩm có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25 ngày 14/3/2018, ấn định ngày xét xử là 13/4/2018; tống đạt hợp lệ cho các đương; tuy nhiên sau đó phiên tòa đã hoãn do vắng mặt người liên quan Trần Thanh Ph và Trần Thị Mỹ T. Đến ngày 06/7/2018 cấp sơ thẩm ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111, ấn định ngày xét xử là 31/7/2018; tống đạt hợp lệ cho Luật sư của bà N, ông D.U; tuy nhiên đến ngày xét xử bị đơn và tất cả những người liên quan đều vắng mặt, nên cấp sơ thẩm có Quyết định hoãn phiên tòa số 48, ấn định lại ngày xét xử là 31/8/2018 và cũng được tống đạt hợp lệ cho Luật sư bà N, ông D.U. Lần này Luật sư của bà N, ông D.U có đơn xin hoãn phiên tòa, nên cấp sơ thẩm tiếp tục ra Quyết định hoãn phiên tòa số 124, ấn định lại ngày xét xử là 19/9/2018 và lần này bà N là người trực tiếp ký nhận tại Trụ sở Tòa án huyện Thới Lai, có cam kết chuyển cho ông D.U và Luật sư của bà. Thế nhưng đến ngày xét xử cả bị đơn và người liên quan là bà N, ông D.U đều vắng mặt, Luật sư của các đương sự có mặt nhưng vì không có mặt thân chủ nên Luật sư của các đương sự đã có đơn xin vắng mặt phiên tòa. Như vậy cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định về cấp, tống đạt văn bản tố tụng và các đương sự đều nhận được, biết được thời gian xét xử nhưng không đến tham dự phiên tòa, coi như đã từ bỏ yêu cầu khởi kiện độc lập. Cấp sơ thẩm đình chỉ yêu cầu của bà N, ông D.U là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3.2] Về nội dung: Đối với việc bà N, ông D.U cho rằng nhận chuyển nhượng phần đất này từ bà Lê Thị L có lập giấy tay mua bán vào năm 2006. Còn bà L khai bà nhận chuyển nhượng từ ông P. Ông P thì khai ông bán lại cho em của ông Bùi Tiến D là bà H. Bà H thì không thừa nhận có mua bán đất gì với ông P. Cấp sơ thẩm đã thực hiện thủ tục triệu tập hợp lệ các đương sự để đối chất làm rõ mâu thuẫn này, nhưng các đương sự đều vắng mặt không thể đối chất được.

Đồng thời do ông P không chứng minh được phần đất này ông nhận chuyển nhượng hợp pháp từ phía nguyên đơn, cho nên bà L nhận chuyển nhượng từ ông P và chuyển nhượng lại cho bà N, ông D.U cũng không hợp pháp, tất cả đều vô hiệu. Vì thế trong phần buộc giao trả đất lại cho nguyên đơn, cấp sơ thẩm đã buộc trách nhiệm liên đới của người đang trực tiếp sử dụng đất là bà N, ông D.U cùng với bị đơn trả lại đất cho nguyên đơn và dành cho các đương sự quyền khởi kiện bằng vụ án khác đối với việc chuyển nhượng qua lại với nhau giấy tay về phần đất này là có cơ sở và đúng quy định

pháp luật. Kháng cáo của bà N, ông D.U cũng không có căn cứ nên không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo nên không xem xét. Cũng như việc bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U yêu cầu ông Bùi Tiến D phải để cho ông bà tiếp tục sử dụng đường thoát nước chạy từ đầu đến cuối nằm trên giữa đất ông Bùi Tiến D. Phần này cấp sơ thẩm chưa giải quyết, nên cấp phúc thẩm không xem xét. Ông bà có quyền khởi kiện bằng vụ án khác để được xem xét. Từ đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị bác kháng cáo của bà N, ông D.U; giữ y bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: kháng cáo của người liên quan có yêu cầu độc lập không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định; Riêng phần chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm 4.842.000đ về đường dẫn nước của vợ chồng bà N sử dụng chạy trên đất của nguyên đơn, yêu cầu không được chấp nhận nên bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bà N, ông D.U phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3, 9 Điều 26; khoản 1 Điều 148; khoản 2, 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 131, 705, 707 Bộ luật dân sự 1995; khoản 2 Điều 3, Điều 30, 31 Luật đất đai 1993, khoản 1 Điều 106, điểm b khoản 1 Điều 127 Luật đất đai 2003; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 18, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Đình chỉ xét xử phúc thẩm phần kháng cáo của bị đơn ông Tạ Văn P; Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U; Giữ y bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Tiến D.

Buộc ông Tạ Văn P và vợ chồng bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U phải giao trả phần đất có diện tích 3.056,9m^2 thuộc thửa 398, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ cho ông Bùi Tiến D theo Hồ sơ trích đo địa chính ngày 04/9/2015 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Lai (*kèm theo bản án*).

Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00056 ngày 10/12/1991 mang tên Bùi Tiến D (hiện do ông Nguyễn Văn D.U và bà Lý Thị N đang giữ) để điều chỉnh cấp lại cho ông Bùi Tiến D theo đúng diện tích 3.056,9m^2 như đã nêu trên.

2/- Ông Bùi Tiến D có trách nhiệm trả lại cho ông Tạ Văn P 06 (sáu) chỉ vàng 24k loại 98%.

3/- Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U về việc yêu cầu ông Bùi Tiến D tách quyền sử dụng đất tại thửa 398, tờ bản đồ 04, đất tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ.

4/- Về án phí và chi phí thẩm định:

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn được miễn, nên được nhận lại số tiền 3.459.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 005659 ngày 03/3/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

- Bị đơn phải chịu 6.878.025đ; bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U phải chịu 6.878.025đ án phí sơ thẩm.

- Sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập 6.919.000đ theo Biên lai số 005998 ngày 17/11/2014 của bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U.

+ Chi phí đo đạc, thẩm định ở cấp sơ thẩm: 4.000.000đ bị đơn và bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U mỗi bên phải chịu 2.000.000đ; nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong, nên bị đơn và bà N, ông D.U phải trả lại số tiền này cho nguyên đơn.

+ Chi phí thẩm định ở cấp phúc thẩm: 4.842.000đ bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U phải chịu; nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bà N, ông D.U phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

+ Án phí phúc thẩm: Người liên quan có yêu cầu độc lập bà Lý Thị N, ông Nguyễn Văn D.U phải chịu 300.000đ; chuyển số tiền đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai số 002943 ngày 15/10/2018 thành án phí; đương sự đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Sung công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm của bị đơn 300.000đ theo Biên lai số 002944 ngày 15/10/2018.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.H.T.
- Chi cục THADS.T
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)
Trần Tuấn Quốc